

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/DS-ST

Ngày 29-11-2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Ông Nguyễn Viết Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N; cư trú tại: Đường T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N là ông Lê Văn M; cư trú tại: Đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, lập ngày 07 tháng 6 năm 2017).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn H; cư trú tại: Đường T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị K; cư trú tại: phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Lê Thị H; cư trú tại: Đường H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Lê Thị C; cư trú tại: Đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Lê Văn L; cư trú tại: Saint Kitts Ct San Jose, CA, USA (Hoa Kỳ).

5. Ông Lê Văn B; cư trú tại: Saint Kitts Ct San Jose, CA, USA (Hoa Kỳ).

6. Ông Lê Văn C; cư trú tại: Saint Kitts Ct San Jose, CA, USA (Hoa Kỳ).

7. Ông Lê Văn C1; cư trú tại: Saint Kitts Ct San Jose, CA, USA (Hoa Kỳ).

8. Trung tâm P thành phố Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở tại: đường Q, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N, trình bày:

- Trước đây, vợ chồng bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T cùng tạo lập được một căn nhà tại khu A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2012, Nhà nước giải tỏa nhà đất của vợ chồng ông, bà và bố trí cho mua lại hai lô đất tái định cư, gồm: Lô thứ nhất là, lô 03 khu B1 tại địa chỉ đường T, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ 41, diện tích 100m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 02-10-2017 cho bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T. Lô thứ hai là, lô B2.5-43 tại địa chỉ đường H, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ B2.5, diện tích 80m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khắc gắn liền với đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 05-01-2016 cho bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T.

- Ngày 09 tháng 01 năm 1994, ông Lê Văn T chết không để lại di chúc. Ông T không có con nuôi, con riêng và cha mẹ nuôi; còn cha mẹ đẻ của ông T là Lê Văn H bà Đỗ Thị Y đều đã chết. Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị N sinh được tám người con là các ông, bà Lê Thị K, Lê Văn L, Lê Văn B, Lê Văn H, Lê Văn C, Lê Văn C1, Lê Thị H và Lê Thị C.

- Hiện tại con trai là ông Lê Văn H đang quản lý tài, sử dụng sản của vợ chồng ông T và bà N là hai lô đất nói trên, nên bà N yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T theo pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn H, trình bày:

- Ông Lê Văn H thống nhất về di sản thừa kế và người thừa kế của cha đẻ là ông Lê Văn T như nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày ở trên. Về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T theo pháp luật đối với tài sản chung của ông T, bà N là hai lô đất B2.5-43 tại địa chỉ Khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và lô 03 khu B1 tại địa chỉ Khu dân cư A1, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà N.

- Ngoài ra, ông có nguyện vọng được nhận cả hai lô đất là tài sản chung của ông T và bà N nói trên và thối trả kỷ phần thừa kế tính thành tiền cho những người thừa kế còn lại, cũng như thối trả giá trị tính thành tiền phần tài sản chung của bà N có trong hai lô đất với ông T. Còn kỷ phần thừa kế của ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1 thì ông đề nghị Tòa án tạm giao cho ông được quản lý, khi nào biết tin tức của những người này thì ông sẽ giao trả cho họ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị K, bà Lê Thị H và bà Lê Thị C, thống nhất với toàn bộ trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và đều có yêu cầu được chia phần di sản thừa kế của ông Lê Văn T theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 623, Điều 649, Điều 651 của Bộ luật dân sự và các Điều 26, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị N về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” đối với bị đơn Lê Văn H.

- Chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T cho bà Huỳnh Thị N, bà Lê Thị K, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn C, ông Lê Văn C1, bà Lê Thị H và bà Lê Thị C, mỗi người được hưởng số tiền 357.616.666 đồng.

- Giao cho ông Lê Văn H được sở hữu, sử dụng nhà và đất lô 03 khu B1 tại địa chỉ đường T, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và lô đất B2.5-43 tại địa chỉ đường H, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho bà Lê Thị K, bà Lê Thị H và bà Lê Thị C mỗi người 357.616.666 đồng và thanh toán cho bà Huỳnh Thị N số tiền 3.576.166.666 đồng

- Tạm giao cho ông Lê Văn H quản lý phần di sản chia cho người thừa kế vắng mặt là ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1; ông Lê Văn H có nghĩa vụ giao lại tiền cho người thừa kế vắng mặt theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

- Về án phí và chi phí tố tụng khác, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án dân sự tranh chấp về chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; trong đó có bị đơn ông Lê Văn H, hiện đang cư trú tại thành phố Đà Nẵng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1, hiện tại đều cư trú ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 37, Điều 464 và Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ủy thác tư pháp về dân sự cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ để tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa của Tòa án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1; cùng cư trú tại địa chỉ Saint Kitts Ct San Jose, CA, USA (Hoa Kỳ), theo kênh chính thức của Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại; theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 10 của Luật Tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, sau đó Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ là ABC Legal đã không giao được Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa của Tòa án cho các đương sự nói trên do họ không cư trú tại địa chỉ mà Tòa án cung cấp.

[3] Sau khi nhận được văn bản thông báo của ABC Legal về việc không tổng đạt được cho ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1, tại địa chỉ Saint Kitts Ct San Jose, CA, USA (Hoa Kỳ) do những người này không có cư trú

tại đây thì Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn và người thân thích trong nước của đương sự ở nước ngoài cung cấp địa chỉ đúng nhưng họ không biết địa chỉ nào khác.

Vì đây là vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản có người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của những người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài và Tòa án đã xác định được di sản thừa kế, diện hàng thừa kế và người để lại di sản thừa kế không có di chúc, nên Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về chia thừa kế theo quy định của pháp luật; phần tài sản thừa kế của những người vắng mặt do không xác định được địa chỉ sẽ tạm giao cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những thừa kế vắng mặt, theo quy định tại Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm P thành phố Đà Nẵng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với Trung tâm, theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đối với ông Lê Văn H về phân chia di sản của ông Lê Văn T, thì thấy:

Ông Lê Văn T có cha là ông Lê Văn H và mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Y đều đã chết; ông T có vợ là bà Huỳnh Thị N sinh được tám người con là các ông, bà Lê Thị K, Lê Văn L, Lê Văn B, Lê Văn H, Lê Văn C, Lê Văn C1, Lê Thị H và Lê Thị C; ông T không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi. Ngày 09 tháng 01 năm 1994, ông T chết không có di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: vợ là bà Huỳnh Thị N và các con đẻ là bà Lê Thị K, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn C, ông Lê Văn C1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị C. Di sản thừa kế của ông T được xác định là một nửa trong khối tài sản chung với bà N, theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật

dân sự và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; và những người thừa kế kể trên được hưởng phần di sản bằng nhau, theo quy định tại các Điều 613, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các bên đương sự đều thống nhất về tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị N, gồm có hai lô đất tái định cư: Lô thứ nhất là, lô 03 khu B1 tại địa chỉ đường T, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ 41, diện tích 100m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 02-10-2017 cho bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T. Lô thứ hai là, lô B2.5-43 tại địa chỉ đường H, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ B2.5, diện tích 80m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 05-01-2016 cho bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T.

Tuy nhiên, hai lô đất nói trên sau khi ông T chết mới được Nhà nước chuyển nhượng để bố trí tái định cư và phải nộp tiền chuyển quyền sử dụng đất cho Nhà nước; đối với lô đất B2.5-43 tại địa chỉ đường H thì đã được bà N lấy tiền do Nhà nước bồi thường vật kiến trúc trên đất cho bà và ông T khi giải tỏa nhà cũ để thanh toán tiền chuyển quyền sử dụng đất cho Nhà nước; riêng đối với lô đất 03 khu B1 tại địa chỉ đường T thì do ông Lê Văn H bỏ tiền ra nộp để thanh toán tiền chuyển quyền sử dụng đất cho Nhà nước với số tiền là 331.000.000 đồng, theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 05-9-2017 của Kho bạc Nhà nước quận N, thành phố Đà Nẵng và Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, ký ngày 13-9-2012, giữa Ban quản lý dự án công trình đường B với bà Huỳnh Thị N. Do đó, cần trừ đi số tiền 331.000.000 đồng của ông H trong tổng giá trị hai lô đất để xác định giá trị tài sản chung của vợ chồng ông T, bà N. Ngoài ra, về ngôi nhà xây trên lô đất 03 khu B1 tại địa chỉ đường T thì cũng do ông H bỏ tiền ra để xây dựng nên cần không tính giá trị ngôi nhà này

vào khối tài sản chung của ông T, bà N. Toàn bộ nội dung này cũng đã được tất cả các bên đương sự ở trong nước thừa nhận và thống nhất khấu trừ các khoản tiền mà ông H đã bỏ ra như nói trên trước khi xác định khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà N.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 03/CT-TĐG ngày 12-01-2018, của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng thì giá trị tài sản là quyền sử dụng đất tại địa chỉ lô 03 khu B1, đường T, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng là 4.631.700.000 đồng; và giá trị tài sản là quyền sử dụng đất tại địa chỉ lô B2.5-43, đường H, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng là 2.136.400.000 đồng. Nên xác định được di sản của ông Lê Văn T là 3.218.550.000 đồng $[(2.136.400.000 \text{ đồng} + 4.631.700.000 \text{ đồng} - 331.000.000 \text{ đồng}) : 2]$; và mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị tính thành tiền là 357.616.666 đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đối với ông Lê Văn H về phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T là được chấp nhận như phân tích ở trên.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tất cả các đương sự đều thống nhất là giao toàn bộ tài sản là hai lô đất tại địa chỉ lô 03 khu B1, đường T và lô B2.5-43, đường H, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng của ông T và bà N cho ông Lê Văn H sở hữu, sử dụng; ông H có nghĩa vụ bồi trả giá trị tài sản tính thành tiền cho những người thừa kế con lại; đồng thời giao cho ông H quản lý phần di sản tính thành tiền chia cho ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Do giao di sản thừa kế bằng hiện vật của ông Lê Văn T và tài sản của bà Huỳnh Thị N cho ông Lê Văn H nên ông H có nghĩa vụ thanh toán bồi trả cho bà Lê Thị K, bà Lê Thị H, bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1 mỗi người 357.616.666 đồng và ông H có nghĩa vụ thanh toán bồi trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 3.576.166.666 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.880.833 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Khiêm và bà Lê Thị H, có Đơn đề nghị miễn án phí, ghi cùng ngày 12-11-2018 với lý do là người cao tuổi. Xét bà N - sinh năm 1923; ông H - sinh ngày 01-01-1950; bà K - sinh ngày 15-5-1948 và bà H - sinh ngày 30-8-1957, nên đều là người cao tuổi, theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Do đó, bà N, ông H, bà K và bà H được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản có tranh chấp là 17.352.000 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo Biên bản thanh lý, ngày 31-3-2018, bà Huỳnh Thị N đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000260 ngày 31-3-2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn xác định là bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu. Sự tự nguyện của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn xác định là bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu. Sự tự nguyện của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 464 và Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 650, Điều 651 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Huỳnh Thị N đối với ông Lê Văn H.

Tuyên xử:

1. Chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T cho bà Huỳnh Thị N, bà Lê Thị K, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn H, ông Lê Văn C, ông Lê Văn C1, bà Lê Thị H và bà Lê Thị C, mỗi người được hưởng số tiền 357.616.666 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho bà Lê Thị K, bà Lê Thị H và bà Lê Thị C mỗi người 357.616.666 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị N số tiền 3.576.166.666 đồng (Ba tỷ, năm trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các

bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tạm giao cho ông Lê Văn H quản lý phần di sản chia cho người thừa kế vắng mặt là ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1, với tổng số tiền của bốn người này là 1.430.466.664 đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng). Ông Lê Văn H có nghĩa vụ giao lại tiền cho người thừa kế vắng mặt theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

2. Giao cho ông Lê Văn H được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

Nhà và đất lô 03 khu B1 tại địa chỉ đường T, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ 41, diện tích 100m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 02-10-2017 cho bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T.

Lô đất B2.5-43 tại địa chỉ đường H, khu dân cư A, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ B2.5, diện tích 80m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 05-01-2016 cho bà Huỳnh Thị N và ông Lê Văn T.

Ông Lê Văn H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được xác lập quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị C, ông Lê Văn L, ông Lê Văn B, ông Lê Văn C và ông Lê Văn C1, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.880.833 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm tám mươi ngàn, tám trăm ba mươi ba đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị N, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Khiêm và bà Lê Thị H.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N 984.000 đồng (Chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 001079 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự:

Lệ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng: Bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng) theo biên lai số 001151 ngày 21 tháng 7 năm 2017 và các biên lai số 001355, 001356, 001357 cùng ngày 12 tháng 4 năm 2018, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà N đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng.

Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp: Bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu 2.440.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng), bà N đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, theo các Hóa đơn bán hàng số 0073312 ngày 15-8-2017; 0059418 ngày 08-5-2018 và các Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0043692 ngày 15-8-2017; 0049738 ngày 08-5-2018; 0000751 ngày 25-5-2018; 0000765 và 0000766 cùng ngày 28-5-2018, của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng: Bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu 9.411.610 đồng (Chín triệu, bốn trăm mười một ngàn, sáu trăm mười đồng), bà N đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ, theo các Chứng từ giao dịch, ngày 24-7-2017 và ngày 23-4-2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

5. Chi phí định giá tài sản: Bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản có tranh chấp là 17.352.000 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn đồng); bà N đã nộp tiền tạm ứng và đã chi thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000260 ngày 31 tháng 3 năm 2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Dũng Nguyễn Phi Hùng

Ngô Hà Nam